

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-PT  
Ngày 18 - 9 - 2018  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:*

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Yên Nhi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2018/TLPT - HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Yến T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tạ Nguyệt T1 - là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Văn T2, sinh năm 1965

- Bà Trần Yến N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T2: Bà Trần Yến N (Theo giấy ủy quyền ngày 24/01/2018). ( Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2, bà N: Luật sư Tạ Nguyệt T1 – Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt T1 Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. ( Có mặt).

- Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số M1, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. ( Có mặt).

*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2, bà Trần Yến N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Yến T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 17/3/2008. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm nay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 09/8/2009. Hiện nay cháu C1 đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho cháu C1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Yến T xác định căn nhà tại địa chỉ số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nhà được xây dựng từ năm 2011 trên diện tích đất ngang 7,4m và dài 25m, là một phần của thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09) là do cha mẹ chị T bỏ tiền ra xây dựng cho vợ chồng ở nhờ, không phải cho chung hai vợ chồng. Đây là tài sản của cha mẹ chị T là ông Trần Văn T2, bà Trần Yến N.

Từ khi kết hôn, vợ chồng ở chung với cha mẹ chị T. Chị T và anh S buôn bán nhỏ (mua rượu về bán lại), thỉnh thoảng anh S có đẩy xe đi bán trái cây dạo, chỉ đủ chi tiêu cho hai vợ chồng và nuôi con, anh S nuôi tôm thất bại không có tiền. Sống chung với cha mẹ chị T, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị T xin ra ở riêng. Khi đó vợ chồng không có tiền, không có đất, nên ông bà nội chị T cho chị T một miếng đất và cha mẹ chị T ra tiền để cất nhà cho vợ chồng chị T ở nhờ. Khi nào có tiền trả lại cho cha mẹ ½ giá trị căn nhà thì cha mẹ sẽ tặng cho vợ chồng toàn bộ căn nhà. Nhưng sau đó vợ chồng nuôi tôm thất bại, không có tiền nên chưa trả được khoản nào cho cha mẹ, cho nên cha mẹ chưa tặng cho căn nhà.

Đối với phần quyền sử dụng đất là của ông bà nội chị T là ông Trần Văn R và bà Lê Thị K1 cho chị T, đây là tài sản riêng của chị T.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh S và chị Trần Yến T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 17/3/2008. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, vài năm gần đây phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi. Đã ly thân từ tháng 7/2017. Chị T xin ly hôn anh S đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 09/8/2009. Hiện nay cháu C1 đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh S đồng ý giao cháu C1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh S không đồng ý cấp dưỡng nuôi con do anh S đang không có việc làm.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập được tài sản chung gồm: Căn nhà tại địa chỉ số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Nhà được xây dựng từ năm 2011 trên diện tích đất ngang 7,4m và dài 25m, là một phần của thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09. Sau khi Hội đồng định giá tiến hành định giá toàn bộ tài sản gắn liền trên đất vào ngày 29/12/2017 thì tổng giá trị phần nhà, hàng rào, sân, lối đi trán xi măng là: 252.787.880 đồng. Nay anh S yêu cầu chia đôi giá trị phần tài sản nói trên và yêu cầu được nhận giá trị là 126.393.940 đồng.

Đối với phần quyền sử dụng đất nêu trên là của ông Trần Văn R và bà Lê Thị K1 cho chị Trần Yến T, đây là tài sản riêng của chị T, anh S không có yêu cầu đối với phần đất này.

Từ năm 2015 anh S đi nước ngoài lao động, 03 năm sau về nước. Trong quá trình anh S đi làm có nhiều lần gửi tiền về cho chị T chi xài và sắm sửa thêm vật dụng trong gia đình. Đối với phần tài sản này anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Yến N và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn T2 trình bày:*

Vào năm 2008, con gái bà N và ông T2 là Trần Yến T có kết hôn với anh Nguyễn Văn S, sau khi tổ chức đám cưới xong thì vợ chồng chị T về sống chung với vợ chồng bà N. Vào tháng 02/2011 vợ chồng bà N đã cất nhà để vợ chồng chị T ra ở riêng, chỉ cho ở nhờ, không phải tặng cho.

Căn nhà vách tường, nền lát gạch, mái lợp tol có diện tích ngang 4.7m và dài 16m. Nhà được cất trên diện tích do cha mẹ của ông T2 là ông Trần Văn R và bà Lê Thị K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cất nhà xong thì ngày 20/05/2011, ông R và bà K1 lập di chúc tặng cho riêng phần đất trên cho cháu nội là Trần Yến T.

Khi cho vợ chồng Yến T vào nhà ở, ông T2 và bà N xác định khi nào vợ chồng chị T có tiền trả lại cho ông bà ½ giá trị căn nhà thì ông bà sẽ tặng cho vợ

chồng chị T toàn bộ căn nhà. Nhưng đến nay vợ chồng chị T chưa đưa được khoảng tiền nào, cho nên ông bà chưa tặng cho căn nhà.

Tổng chi phí mà vợ chồng bà N bỏ ra để xây dựng căn nhà trên là khoảng trên 250.000.000 đồng, gồm các khoản sau đây:

- Mua vật liệu xây dựng của cửa hàng vật liệu xây dựng H (Khóm Z, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu)
- Toàn bộ dàn cửa nhôm mua của cơ sở sắt, nhôm, inox Anh Q (Số L, quốc lộ 1A, Khóm D, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu)
- Tiền thuê thầu xây dựng (Chủ thầu là ông Kha Hồng Đ1, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu).

Toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà nêu trên là do vợ chồng bà N tự bỏ ra, chị T và anh S không có đóng góp gì vào việc xây dựng căn nhà này. Do đó, toàn bộ căn nhà nêu trên không phải là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh S.

Bà N và ông T2 yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc chị Trần Yến T và anh Nguyễn Văn S trả lại toàn bộ căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu được nhận hiện vật, không nhận giá trị.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 08/01/2018, ông T2 và bà N có yêu cầu chị T và anh S trả lại phần đất thuộc thửa số 64, tờ bản đồ 09, tại khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xin rút lại yêu cầu độc lập đối với phần quyền sử dụng đất. Chỉ yêu cầu chị T và anh S trả lại toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất là căn nhà và các công trình phụ gồm sân và lối đi, hàng rào.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:*

Vào ngày 20/5/2011, cha mẹ bà Đ là ông Trần Văn R và bà Lê Thị K1 có lập di chúc cho bà Đ phần diện tích đất 769,70m<sup>2</sup>, đất thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đất do ông R và bà K1 đứng tên trên giấy chứng nhận.

Phần đất nêu trên có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đường đi
- Hướng Tây giáp đất của ông Trần Văn R
- Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Công B1
- Hướng Bắc giáp với phần đất của chị Trần Yến T được ông Trần Văn R và bà Lê Thị K1 lập di chúc tặng cho.

Sau khi Tòa án tiến hành đo đạc, thẩm định, thể hiện phần nhà của chị T và anh S đang ở xây dựng lấn sang một phần diện tích đất của bà Đ nhưng bà không yêu cầu chị T và anh S trả phần đất đã lấn trong vụ án này. Việc này sẽ tự thỏa thuận giải quyết trong nội bộ gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 33; Điều 34; Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005
- Khoản 1, 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Yến T và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2009 cho chị Trần Yến T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu C1 đang sống cùng chị T, nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Yến T không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung là Nguyễn Ngọc Bảo C1, không ai được phép ngăn cản.

3. Xác định căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được xây dựng trên một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09 gồm nhà, sân và lối đi, hàng rào không phải là tài sản chung của chị Trần Yến T và anh Nguyễn Văn S.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là căn nhà số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được xây dựng trên một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09 gồm nhà, sân và lối đi, hàng rào của anh Nguyễn Văn S.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N đối với anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T giao trả cho ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N toàn bộ căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, được xây dựng trên một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09. Căn nhà có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đường xi măng cạnh dài 7,4m,

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (chị Trần Yến T đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 7,4m,

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (bà Trần Thị Đ đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 22,1m,

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (anh Trần Thanh H1 đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 22,15m.

Căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, bao gồm:

- Nhà: Loại III.1.C.1, kết cấu móng đà bê tông cốt thép, tường 100, mái lợp tol Fibro ciment, nền lát gạch men, trần đóng thạch cao. Gồm có hai phần:

Nhà trước, cạnh ngang 4,7m, cạnh dài 11m, diện tích 51,7m<sup>2</sup>.

Nhà sau, cạnh ngang 5,9m, cạnh dài 4,65m, diện tích 27,435m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích nhà: 79,135m<sup>2</sup>.

- Hàng rào: Kết cấu tường xây gạch cao 0,5m rào lưới B40, loại 1,2m, khung bao sắt, cọc sắt, cột bê tông cốt thép, tổng chiều dài hàng rào là 45,7m.

- Sân và lối đi trán xi măng, diện tích 84,405m<sup>2</sup>.

6. Anh Nguyễn Văn S được quyền lưu cư 06 tháng, tính kể từ ngày Tòa tuyên án (22/6/2018). Hết thời hạn trên, anh S có nghĩa vụ trả lại căn nhà đã nêu trên cho ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về đòi quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N.

8. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 400.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T phải chịu là 400.000 đồng. Anh S đã nộp số tiền 400.000 đồng. Chị T có trách nhiệm giao lại cho anh S số tiền 200.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2018: Anh Nguyễn Văn S kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 06/7/2018: Ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N không đồng ý một phần bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không cho anh Nguyễn Văn S được quyền lưu cư tại căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, buộc anh Nguyễn Văn S phải giao trả ngay cho

ông T2, bà N căn nhà nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N rút toàn bộ kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Trần Yến T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Yến N, ông Trần Văn T2: Việc xây dựng nhà là của bà N và ông T2, đã được những người trực tiếp mua bán vật tư, xây dựng nhà những người làm chứng đều xác định do bà N đi giao dịch, nên có cơ sở xác định căn nhà là của bà N chứ không phải của vợ chồng anh S xây dựng. Đồng thời anh S cũng xác định năm 2014 có gửi tiền về cho chị T, ngoài số tiền xây dựng ra, anh S cũng không yêu cầu số tiền này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1, 5 Điều 308 và khoản 1 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với với phần kháng cáo của ông Trần Văn T2 và bà Lê Yến N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Luật sư, Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Qua kết quả định giá ngày 29/12/2017 thì tổng giá trị phần nhà, hàng rào, sân, lối đi trán xi măng là 252.787.880 đồng, anh yêu cầu được nhận ½ giá trị là 126.393.940 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: anh Nguyễn Văn S xác định đây là tài sản chung của vợ chồng tạo lập quá trình chung sống. Căn cứ tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...* Ngoài lời trình bày về số tiền mua vật liệu để xây dựng căn nhà anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của anh. Sau khi xét xử sơ thẩm anh S có cung cấp 04 biên lai xác định anh gửi tiền về từ Malaysia về Việt Nam cho chị T, nhưng các tài liệu này không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên không có giá trị pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án chị T cũng không thừa nhận việc có nhận tiền anh S gửi về.

[3] Chị T và bà N xác định từ khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh S ở chung với ông T2, bà N. Đến khoảng tháng 02/2011 ông T2 và bà N đã dùng tiền của

mình để xây dựng căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cho chị T và anh S ở nhờ, không phải tặng cho.

[4] Tại biên bản xác minh đối với bà Lâm Hồng T3 ngày 05/01/2018 (BL 148): Bà T3 xác định bà là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Hồng T3. Khoảng tháng 6/2011, ông T2 và bà N có đến cửa hàng của bà để mua vật liệu xây dựng, không có làm hợp đồng, ông T2 và bà N trực tiếp mua vật liệu và trực tiếp trả toàn bộ tiền vật liệu xây dựng cho bà. Chị T và anh S không có mua hàng và không có lần nào trả tiền cho bà.

[5] Tại biên bản lấy lời khai anh Kha Hồng Đ1 ngày 21/6/2018 (BL 151): Anh Đ1 xác định vào năm 2011 bà N có thuê anh xây dựng nhà cho chị T và anh S ở, bà N là người trực tiếp giao dịch với anh, không có lập hợp đồng thi công, thỏa thuận miệng là anh nhận xây dựng căn nhà, sau khi giao nhà thì thanh toán toàn bộ tiền công. Chị T, anh S không có giao dịch gì với anh, cũng không liên quan gì đến hợp đồng xây dựng căn nhà. Tiền công xây dựng căn nhà là 42.000.000 đồng do bà N trả toàn bộ cho anh.

[6] Tại biên bản xác minh đối với ông Mã Thành Đ2 - Trưởng ban nhân dân khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 21/5/2018 (BL 149): Ông Đ2 xác định việc xây dựng căn nhà tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được xây dựng năm 2011. Khi xây dựng bà N có đến xin phép ban nhân dân khóm để cất nhà.

[7] Tại biên bản xác minh đối với ông Trần Anh Q ngày 18/5/2018 (BL 147): Ông Q xác định vào khoảng tháng 6/2011, bà N có đặt ông làm cửa nhôm gồm cửa lớn, cửa sổ để cất nhà của chị T, anh S. Bà N là người trực tiếp liên hệ đặt hàng, không có làm hợp đồng. Tổng số tiền bà N thanh toán là 26.215.000 đồng. Đối với chị T và anh S không có đặt hàng và không có lần nào trả tiền.

Như vậy, theo lời khai của những người làm chứng ông Trần Anh Q, bà Lâm Hồng T3, ông Mã Thành Đ2, anh Kha Hồng Đ1 thấy rằng khi xây dựng căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì toàn bộ tiền xây dựng căn nhà nêu trên là do bà Trần Yến N xây dựng. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm anh S xác định tiền xây dựng nhà là của vợ chồng có được từ việc tích góp trước đó, còn năm 2014 anh đi xuất khẩu lao động ở Malaysia, anh có gửi tiền về cho chị T để sinh hoạt gia đình anh không yêu cầu xem xét. Chị T xác định khi còn sống chung vợ chồng chỉ buôn bán nhỏ, không đủ cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình, nên việc anh S cho rằng tiền xây dựng nhà của vợ chồng tích góp là không đúng. Anh S chỉ trình bày nhưng cũng không xác định cụ thể vợ chồng tích lũy được bao nhiêu tiền. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn S về việc chia căn nhà nêu trên là có căn cứ.

[8] Xét kháng cáo của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N về việc yêu cầu không cho anh Nguyễn Văn S được quyền lưu cư tại căn nhà tọa lạc tại số M, khóm K, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bà N là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà N, ông T2.



[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn S; chấp nhận đề nghị của Luật sư; có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Văn S, ông Trần Văn T2, bà Trần Yên N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 289, khoản 1, 5 Điều 308 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 34; Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1, 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn S; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2, bà Trần Yên N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Yên T và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2009 cho chị Trần Yên T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu C đang sống cùng chị T, nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Yên T không yêu cầu anh Nguyễn Văn S cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung là Nguyễn Ngọc Bảo C1, không ai được phép ngăn cản.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được xây dựng trên một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09 gồm nhà, sân và lối đi, hàng rào của anh Nguyễn Văn S.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N đối với anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T giao trả cho ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N toàn bộ căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, được xây dựng trên một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09. Căn nhà có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đường xi măng cạnh dài 7,4m,

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (chị Trần Yến T đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 7,4m,

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (bà Trần Thị Đ đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 22,1m,

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất số 64, tờ bản đồ 09 (anh Trần Thanh H đang quản lý, sử dụng) cạnh dài 22,15m.

Căn nhà tại số M, khóm K, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, bao gồm:

- Nhà: Loại III.1.C.1, kết cấu móng đà bê tông cốt thép, tường 100, mái lợp tol Fibro ciment, nền lát gạch men, trần đóng thạch cao. Gồm có hai phần:

Nhà trước, cạnh ngang 4,7m, cạnh dài 11m, diện tích 51,7m<sup>2</sup>.

Nhà sau, cạnh ngang 5,9m, cạnh dài 4,65m, diện tích 27,435m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích nhà: 79,135m<sup>2</sup>.

- Hàng rào: Kết cấu tường xây gạch cao 0,5m rào lưới B40, loại 1,2m, khung bao sắt, cọc sắt, cột bê tông cốt thép, tổng chiều dài hàng rào là 45,7m.

- Sân và lối đi trán xi măng, diện tích 84,405m<sup>2</sup>.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N.

6. Anh Nguyễn Văn S được quyền lưu cư 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2018). Hết thời hạn trên, anh S có nghĩa vụ trả lại căn nhà đã nêu trên cho ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về đòi quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N.

8. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 400.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T phải chịu là 400.000 đồng. Anh S đã nộp số tiền 400.000 đồng. Chị T có trách nhiệm giao lại cho anh S số tiền 200.000 đồng.

9. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Yến T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007798

ngày 30/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh được chuyển thu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí chia tài sản khi ly hôn anh Nguyễn Văn S không phải nộp. Anh S đã nộp số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn theo lai thu số 0007856 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B được hoàn lại.

Ông Trần Văn T2 và bà Trần Yến N không phải nộp án phí. Ông T2 và bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo lai thu số 0008446 ngày 23/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, được hoàn lại toàn bộ.

Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Yến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng. Anh S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008310 ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Ông Trần Văn T2, bà Trần Yến N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông T2, bà N mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0008316, 0008317 cùng ngày 09/7/2018 (chị Trần Yến T nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao (1b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (2b);
- TAND TP B (1b);
- VKSND TP B (1b);
- Chi cục THADS TP B (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu HS, TDS.

**Đã ký**

**Nguyễn Lệ Kiều**